

Bản án số: 07 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Vân.

Ông Dương Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh nam 1996 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị C trình bày: Chị C và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2014 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có sự hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Từ khi chị C về nhà đẻ anh Tuấn A không đến gọi lần nào, khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn A theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/01/2015 hiện đang ở với anh Tuấn A. Sau khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án giao con cho anh Tuấn A nuôi dưỡng và chị C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng / 1 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh và chị C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm và có 01 con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xung đột vợ chồng đã cùng nhau hòa giải nhiều lần, gia đình cũng dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay anh Nguyễn Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn anh nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/01/2015 hiện đang ở với anh Tuấn A. Sau khi ly hôn anh Tuấn A nhận nuôi con chung và yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Tuấn A và đề nghị HĐXX giao con cho anh Tuấn A nuôi dưỡng, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tuấn A mỗi tháng 2.000.000đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa anh Tuấn A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tuấn A nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/01/2015. Chị Phạm Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Tuấn A mỗi tháng 2.000.000đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2014 tại UBND xã V, huyện V được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị C và anh Tuấn A đều trình bày trong quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không có sự hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xin ly hôn anh Tuấn A nhất trí. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tuấn A để tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Tuấn A đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. HĐXX xét thấy giữa chị C và anh Tuấn A hai bên sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai và đều không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/01/2015 nay đang ở với anh Tuấn A. Sau khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án giao cho anh Tuấn A nuôi con chung của vợ chồng và chị C cấp dưỡng nuôi con cho anh Tuấn A mỗi tháng 2.000.000đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Tuấn A nhận nuôi con chung và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy chị C tự nguyện cho anh Tuấn A nuôi con và chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho anh Tuấn A đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần

giao con chung của vợ chồng cho anh Tuấn A nuôi dưỡng và chị C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tuấn A.

Chị Phạm Thị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị C và anh Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho Phạm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

- Con chung: Giao cho anh Nguyễn Tuấn A được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/01/2015. Chị Phạm Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Tuấn A mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí DSST, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001284 ngày 12/12/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Phạm Thị C phải nộp tiếp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp